TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2023/DS-ST
Ngày: 30/3/2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hiểu**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Phạm Tiến Lợi**
- Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Đắc Hùng** - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **201/2023**/TLST–DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 08/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 23/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty H (Viết tắt : Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn H, Công ty H)

Địa chỉ: Lầu 8,9,10 Tòa nhà G, số 24 đường P, phường S, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Đ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty H chi nhánh Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền số 161205/UQ-TGĐ ngày 05/12/2016.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án (ủy quyền lại): Ông Đào Văn L, Chức vụ: Chuyên viên pháp lý tố tụng. Theo Giấy ủy quyền số 221201-CEA ngày 01/12/2022. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn T,** sinh năm 1998; Nơi đăng ký HKTT: Đội 4, Thôn H, xã Đ, huyện C thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/01/2020, ông Phạm Văn T có Đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử và đã ký Hợp Đồng Tín Dụng số 2W016172423 với Công ty H. Theo Hợp đồng ông T đã vay 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng)* để mua xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, số khung 3915KY437219, số máy JA39E1307991, đăng ký biển kiểm soát 29X1-857.74.

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần theo hình thức cho vay trả góp.

Thời hạn vay: 12 tháng.

Lãi suất thực tế hàng tháng: 3,67%.

Khoản thanh toán hàng tháng: 1.684.025 đồng.

Ngày thanh toán đầu tiên: 10/02/2020.

Ngày thanh toán đầu tiên: 10/01/2021.

Theo Hợp đồng ông T phải thanh toán 12 kỳ liên tiếp.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay Theo hợp đồng tín dụng số 2W016172433 ngày 14/01/2020 và đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số 2W016172433 ngày 14/01/2020 là: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA (số khung 3915KY437219, số máy JA39E1307991, biển kiểm soát 29X1-857.74 đứng tên ông Phạm Văn T, sinh năm 1998; Nơi đăng ký HKTT tại: : Thôn H, xã Đ, huyện C thành phố Hà Nội). Xe có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số AO 062588 được Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2020. Việc thế chấp thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 2W016172433 ngày 14/01/2020, giữa bên thế chấp là ông Phạm Văn T, sinh năm 1998; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: : Thôn H, xã Đ, huyện C thành phố Hà Nội với bên nhận thế chấp là Công ty H.

Quá trình thực hiện Hợp đồng do ông Phạm Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ bắt đầu từ kỳ thứ 04 theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử đã ký kết. Tính đến hết ngày 14/02/2023, ông Phạm Văn T đã trả cho Công ty H 5.108.000 đồng *(Trong đó: Nợ gốc là 3.609.357 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.406.734 đồng, nợ lãi quá hạn 91.909 đồng).* Do ông Phạm Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty H đã chuyển các khoản nợ sang nợ quá hạn theo quy định và thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Tính đến hết ngày 04/07/2022, ông Phạm Văn T còn nợ lại Công ty H tổng số tiền theo Hợp Đồng Tín dụng số 2W016172423 đã ký kết là: **16.349.267 đồng**, trong đó (nợ gốc là: 12.390.643 đồng; số tiền lãi theo hợp đồng là 2.027.449 đồng; tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.931.175 đồng).

Công ty H đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu cụ thể như sau:

- Yêu cầu ông Phạm Văn T phải thanh toán trả cho Công ty H số tiền nợ gốc chưa trả theo Hợp Đồng Tín dụng số 2W016172423 là: 12.390.643 đồng.

- Yêu cầu ông Phạm Văn T phải thanh toán trả cho Công ty H số tiền nợ lãi chưa trả theo Hợp Đồng Tín dụng số 2W016172423 là: 2.027.449 đồng.

- Yêu cầu ông Phạm Văn T phải thanh toán trả cho Công ty H số tiền nợ lãi quá hạn chưa trả theo Hợp Đồng Tín dụng số 2W016172423 là: 1.931.175 đồng.

Tổng số tiền nợ ông Phạm Văn T phải thanh toán một lần cho Công ty H là: **16.349.267 đồng**, trong đó (nợ gốc là: 12.390.643 đồng; số tiền lãi theo hợp đồng là 2.027.449 đồng; tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.931.175 đồng) ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn không yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thanh toán khoản nợ.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai Biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Việc ký kết *hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử*, số tiền vay, số tiền đã trả, số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn còn nợ lại như Công ty H trình bày là đúng.

Ngày 14/10/2020 tôi có ký kết hợp đồng tín dụng số 2W016172423 với Công ty H để vay số tiền 16.000.000 đồng mua xe máy HONDA WAVE ALPHA (số khung 3915KY437219, số máy JA39E1307991, biển kiểm soát 29X1-857.74 với mức lãi suất cố định là 3,67% trên tháng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo Hợp đồng tôi phải thanh toán số tiền là 1.684.025 đồng vào ngày 10 hàng tháng liên tục trong 12 kỳ theo hình thức trả góp bắt đầu từ ngày 10/02/2020 đến ngày 10/01/2021. Tính đến nay tôi đã thanh toán cho Công ty H số tiền là 5.108.000 đồng. Do thời gian dịch bệnh tôi vi phạm hợp đồng với Công ty H ngày 11/05/2020 tính đến ngày hôm nay tôi còn nợ Công ty H số tiền **16.349.267 đồng** trong đó bao gồm lãi và phí phạt chậm trả nên tôi xin được thanh toán với Công ty H với số tiền là 14.000.000 đồng vào ngày 27/02/2023. Số tiền còn lại tôi xin Công ty H miễn giảm.

Tính đến hết ngày 04/7/2022, tôi còn nợ lại Công ty H số tiền là **16.349.267 đồng**, trong đó (nợ gốc là: 12.390.643 đồng; số tiền lãi theo hợp đồng là 2.027.449 đồng; tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.931.175 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn không yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA (số khung 3915KY437219, số máy JA39E1307991, biển kiểm soát 29X1-857.74 đứng tên ông Phạm Văn T, sinh năm 1998; Nơi đăng ký HKTT tại: : Thôn H, xã Đ, huyện C thành phố Hà Nội). Xe có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số AO 062588 được Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 2W016172433 ngày 14/01/2020 theo Hợp đồng thế chấp để thanh toán khoản nợ nên Tòa án không tiến hành thẩm định đối với tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 14/01/2020, ông Phạm Văn T sinh năm 1998; Nơi đăng ký HKTT tại: Thôn H, xã Đ, huyện C thành phố Hà Nội đã ký Hợp Đồng Tín Dụng số 2W016172423 với Công ty H. Theo Hợp đồng ông T đã vay 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng)* để mua xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, số khung 3915KY437219, số máy JA39E1307991, đăng ký biển kiểm soát 29X1-857.74. Do ông Phạm Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ bắt đầu từ kỳ thứ 04 theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. §Ôn nay,Công ty H khởi kiện ông Phạm Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội yêu cầu buộc ông Phạm Văn T trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Đây là hợp đồng tín dụng có kỳ hạn, có lãi. Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa ngày 23/03/2023, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng măt, bị đơn vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ không tham gia phiên tòa do vụ án không phải tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ. Vì vậy, căn cứ Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Công ty H:

[2.1]. Đối với khoản tiền gốc và tiền lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn):

Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 14/01/2020, ông Phạm Văn T có Đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử và đã ký Hợp Đồng Tín Dụng số 2W016172423 với Công ty H. Theo Hợp đồng ông T đã vay 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng)* để mua xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, số khung 3915KY437219, số máy JA39E1307991, đăng ký biển kiểm soát 29X1-857.74, xe có Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số AO 062588 được Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2020. Quá trình thực hiện Hợp đồng tính đến ngày 10/04/2020, ông Phạm Văn T đã trả cho Công ty H 5.108.000 đồng tiền gốc và lãi. Sau đó ông Phạm Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ bắt đầu từ kỳ thứ 04 theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng tại Tòa án đều xác nhận về việc ký kết Hợp Đồng Tín Dụng số 2W016172423. Bị đơn ông Phạm Văn T xác nhận khoản vay 16.000.000 đồng, xác nhận khoản nợ gốc và lãi còn phải thanh toán tính đến ngày 04/7/2022 là **16.349.267 đồng**, trong đó (nợ gốc là: 12.390.643 đồng; số tiền lãi theo hợp đồng là 2.027.449 đồng; tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.931.175 đồng). Quá trình giải quyết, bị đơn đề nghị được thanh toán với Công ty H với số tiền là 14.000.000 đồng vào ngày 27/02/2023 và xin miễn giảm đối với số tiền còn lại nhưng không thực hiện được theo cam kết vào ngày 27/02/2023.

Thỏa thuận của các bên về số tiền vay, lãi suất vay, nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn trên lãi chậm trả ghi trong Hợp Đồng Tín Dụng số 2W016172423 ngày 14/01/2020 và đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử ngày 14/01/2020 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định cña Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Công ty H xác định chỉ yêu cầu ông T thanh toán một lần khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/07/2022. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty H, buộc ông Phạm Văn T phải thanh toán trả một lần cho Công ty H khoản nợ tính đến hết ngày 04/7/2022 là: **16.349.267 đồng**, trong đó (nợ gốc là: 12.390.643 đồng; số tiền lãi theo hợp đồng là 2.027.449 đồng; tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.931.175 đồng) ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Về biện pháp bảo đảm tiền vay:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2W016172433 ngày 14/01/2020 và đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số 2W016172433 ngày 14/01/2020 là: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA (số khung 3915KY437219, số máy JA39E1307991, biển kiểm soát 29X1-857.74 đứng tên ông Phạm Văn T, sinh năm 1998; Nơi đăng ký HKTT tại: Thôn H, xã Đ, huyện C thành phố Hà Nội). Xe có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số AO 062588 được Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2020. Việc thế chấp thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 2W016172433 ngày 14/01/2020, giữa bên thế chấp là ông Phạm Văn T, sinh năm 1998; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện C thành phố Hà Nội với bên nhận thế chấp là Công ty H. Nguyên đơn không yêu cầu việc xem xét và phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe máy HONDA WAVE ALPHA (số khung 3915KY437219, số máy JA39E1307991, biển kiểm soát 29X1-857.74 đứng tên ông Phạm Văn T theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty H được chấp nhận, nên căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 817.463 đồng. Công ty H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 327, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 259, Điều 271, Điều 273, Điều 499, điểm c, d khoản 2 Điều 500 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 90; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H đối với ông Phạm Văn T.

Buộc ông Phạm Văn T phải thanh toán trả cho Công ty H số tiền còn nợ tính đến hết ngày 04/7/2022 là: 16.349.267 (Mười sáu triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi bảy) đồng gồm:

Tiền nợ gốc là: 12.390.643 (Mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn sáu trăm bốn mươi ba) đồng;

Tiền nợ lãi là: 2.027.449 (Hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi chín) đồng;

Tiền nợ lãi quá hạn là: 1.931.175 (Một triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi năm) đồng.

Ông Phạm Văn T không phải tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2W016172433 ngày 14/01/2020 kể từ ngày 04/7/2022.

2. Nguyên đơn không yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải nộp 817.463 (Tám trăm mười bảy nghìn bốn trăm sáu mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả Công ty H 390.000 đồng *(Ba trăm chín mươi nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0076421 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Hiểu